

UBND TỈNH VĨNH LONG  
**CÔNG TY TNHH MTV  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Địa chỉ: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long  
Điện thoại: (84-70) 3822 729 Fax: (84-70) 3831 283

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG**

**CÔNG TY TNHH MTV**  
**CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban đấu giá bán cổ phần Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.



**TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Địa chỉ: 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM

Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)

*Thành phố Vĩnh Long, 13 tháng 04 năm 2016*

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐÁU GIÁ.....</b>	<b>3</b>
<b>PHẦN II – THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....</b>	<b>4</b>
1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp Cổ phần hóa: .....	4
2. Ngành nghề kinh doanh .....	4
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu .....	5
4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần : .....	6
5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa .....	6
6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	8
7. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết của tổ chức phát hành: .....	11
8. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm trước khi cổ phần hóa, giai đoạn 2013 – 2015.....	11
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	16
10. Phương án kinh doanh và chiến lược phát triển của công ty sau khi cổ phần hoá .....	16
11. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hoá .....	17
12. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	17
13. Rủi ro dự kiến.....	18
14. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần.....	19
15. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá .....	21
16. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về doanh nghiệp Cổ phần hóa: .....	23

**PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ**

Tổ chức có cổ phiếu được chào bán:	<b>CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG</b>
Vốn điều lệ của tổ chức được chào bán:	<b>33.862.220.000 đồng</b>
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	3.386.222 cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Loại cổ phần bán đấu giá:	3.386.222 Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần bán đấu giá:	<b>818.540 cổ phần</b>
Chiếm tỷ lệ:	24,17% vốn điều lệ
Phương thức chào bán:	Đấu giá công khai thông qua Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Giá khởi điểm bán đấu giá:	<b>10.200 đồng/cổ phần</b>
Bước giá	100 đồng
Bước khối lượng:	10 cổ phần
Đối tượng tham gia:	Các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long
Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa:	818.540 cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu:	100 cổ phần
Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua tối đa:	818.540 cổ phần
Địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần:	Tại các đại lý đấu giá
Thời gian đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc, nhận và nộp phiếu đấu giá, thời gian tổ chức đấu giá:	Theo Quy chế đấu giá
Địa điểm tổ chức đấu giá:	Trụ sở chính của Công ty: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Đặt cọc:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.

**PHẦN II: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

**1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp Cổ phần hóa:**

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG.
- Tên viết tắt: VIPUCO LTD
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS LTD COMPANY
- Địa chỉ trụ sở: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: (84-70) 3822 729
- Fax: (84-70) 3831 283
- Email: ctccvl@gmail.com
- Mã số thuế: 1500169888

- Logo:



**2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 22/7/2010 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/01/2015, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành
1	Thu gom rác thải không độc hại; Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp.	3811 (chính)
2	Thu gom rác thải độc hại; Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải độc hại, rác thải y tế.	3812
3	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp	3821
4	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác y tế	3822
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành	4669
6	Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng	4100

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành
7	Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nội thị theo quy hoạch, xây dựng quản lý điểm đỗ xe trong đô thị. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống,...)	4210
8	Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghĩa địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thủy lợi, đường dây và trạm biến điện	4220
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Xây dựng các công trình: công nghiệp, thủy lợi	4290
10	Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

### 3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Với kinh nghiệm hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ phục vụ công ích trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, Công ty có những lợi thế nhất định về khách hàng và kinh nghiệm dịch vụ công ích, đặc biệt là dịch vụ xử lý rác thải, chiếu sáng công cộng và cây xanh. Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu của Công ty cụ thể như sau:

#### 3.1 Thu gom xử lý rác thải:

Hiện nay, thu gom vận chuyển các loại rác sinh hoạt, rác kinh doanh của thành phố Vĩnh Long đều do Công ty thực hiện. Cùng với sự phát triển của quá trình đô thị hóa nên khối lượng rác thu gom, vận chuyển và xử lý ngày càng nhiều. Vì vậy hằng năm Công ty không ngừng nâng cấp và thay thế các trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực hoạt động vừa đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty.

#### 3.2 Chiếu sáng công cộng:

Song song với hoạt động thu gom xử lý rác thải, Công ty còn thực hiện công tác quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng, thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên địa bàn thành phố Vĩnh Long.

Việc tổ chức chiếu sáng đô thị phải bảo đảm các chức năng chiếu sáng cho các hoạt động của đô thị về ban đêm, góp phần tôn tạo diện mạo, mỹ quan đô thị. Các loại hình chiếu

sáng hiện nay Công ty đang đảm trách là chiếu sáng công cộng. Toàn bộ số lượng đèn chiếu sáng được hoạt động theo cơ chế tắt mở tự động. Thời gian bật - tắt hệ thống chiếu sáng sẽ được điều chỉnh tùy theo mùa trong năm cho phù hợp độ sáng của hệ thống đường giao thông. Trong những năm qua nhằm thực hiện chủ trương tiết kiệm và bảo vệ môi trường, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm điện đạt hiệu quả. Các biện pháp này đã phát huy tác dụng giúp ngân sách Nhà nước tiết giảm chi phí đáng kể.

### **3.3 Quản lý và chăm sóc cây xanh:**

Công ty cung cấp các dịch vụ liên quan đến trồng và thi công, chăm sóc cây công trình, tham khảo với đội ngũ nghệ nhân và nhân viên làm vườn chuyên nghiệp. Các dịch vụ cụ thể như sau:

- Dịch vụ chăm sóc cây tổng quát: tưới nước, bón phân, phun thuốc trừ sâu, cắt tỉa cành cây, thu gom lá rụng, chăm sóc cây xanh tiểu cảnh, cây xanh công viên, chăm sóc cây xanh,...
- Dịch vụ cắt cỏ tổng quát: cắt cỏ, thu gom cỏ, vận chuyển và xử lý cỏ, phun thuốc trừ cỏ, cắt cỏ phát hoang, cắt cỏ công trình tiểu cảnh, chăm sóc cỏ, trồng cỏ mới, cắt cỏ duy trì thường xuyên, cắt cỏ định kỳ,...

### **4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần là 225 người. Trong đó:**

<b>TIÊU CHÍ</b>	<b>SỐ LƯỢNG</b>	<b>TỶ LỆ</b>
<b>I. Phân theo trình độ lao động</b>	<b>225</b>	<b>100,00%</b>
Trên đại học và đại học	34	15,11%
Cao đẳng, trung cấp nghề	17	7,56%
Công nhân kỹ thuật, dạy nghề	46	20,44%
Phổ thông trung học (chưa qua đào tạo)	128	56,89%
<b>II. Phân theo hợp đồng lao động</b>	<b>225</b>	<b>100,00%</b>
Hợp đồng lao động dài hạn	225	100,00%
Hợp đồng lao động ngắn hạn	0	0,00%

*Nguồn: VIPUCO LTD*

### **5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa**

Theo Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Công cộng Vĩnh Long, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014 để cổ phần hóa được thể hiện như sau:

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

- Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp: 71.393.264.323 đồng đồng

**CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 33.862.226.210 đồng
- Chi tiết như sau:

*Đvt: đồng*

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
<b>A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)</b>	<b>62.840.147.872</b>	<b>71.393.264.323</b>	<b>8.553.116.451</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>10.216.846.676</b>	<b>14.321.147.578</b>	<b>4.104.300.902</b>
<i>1. Tài sản cố định</i>	<i>10.216.846.676</i>	<i>14.128.652.348</i>	<i>3.911.805.672</i>
a. Tài sản cố định hữu hình	10.216.846.676	14.128.652.348	3.911.805.672
- Nhà cửa vật kiến trúc	460.755.029	1.447.137.145	986.382.116
- Máy móc thiết bị	-	-	-
- Phương tiện vận tải	9.739.117.326	12.681.515.203	2.942.397.877
- Tài sản khác	16.974.321	-	(16.974.321)
b. Tài sản vô hình	-	-	-
c. Bất động sản đầu tư	-	-	-
<b>2. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>192.495.230</b>	<b>192.495.230</b>
- Công cụ dụng cụ đang dùng	-	192.495.230	192.495.230
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>52.623.301.196</b>	<b>52.697.882.534</b>	<b>74.581.338</b>
<i>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>9.054.152.781</i>	<i>9.054.153.220</i>	<i>439</i>
- Tiền	9.054.152.781	9.054.153.220	439
- Các khoản tương đương tiền	-	-	-
<b>2. Các khoản phải thu</b>	<b>40.868.793.300</b>	<b>40.943.374.199</b>	<b>74.580.899</b>
- Phải thu khách hàng	40.258.340.585	40.258.340.585	-
- Trả trước cho người bán	607.840.000	607.840.000	-
- Các khoản phải thu khác	77.193.614	77.193.614	-
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(74.580.899)	-	74.580.899

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
<b>3. Hàng tồn kho</b>	<b>238.132.477</b>	<b>238.132.477</b>	-
- Hàng tồn kho	238.132.477	238.132.477	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
<b>4. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>2.462.222.638</b>	<b>2.462.222.638</b>	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn	48.248.727	48.248.727	-
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	5.995.699	5.995.699	-
- Tài sản ngắn hạn khác	2.407.978.212	2.407.978.212	-
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp</b>	-	<b>4.374.234.211</b>	<b>4.374.234.211</b>
1. Giá trị thương hiệu	-	-	-
2. Giá trị tiềm năng phát triển	-	4.374.234.211	4.374.234.211
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>	-	-	-
<b>B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG</b>	<b>1.764.832.174</b>	<b>1.764.832.174</b>	-
<b>C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>	<b>452.602.860</b>	<b>452.602.860</b>	-
<b>D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KEN THUỞNG-PHÚC LỢI</b>	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)</b>	<b>65.057.582.906</b>	<b>73.610.699.357</b>	<b>8.553.116.451</b>
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>62.840.147.872</b>	<b>71.393.264.323</b>	<b>8.553.116.451</b>
<i>E1. Nợ thực tế phải trả</i>	<i>37.125.052.820</i>	<i>37.125.052.820</i>	-
<i>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</i>	<i>405.985.293</i>	<i>405.985.293</i>	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]</b>	<b>25.309.109.759</b>	<b>33.862.226.210</b>	<b>8.553.116.451</b>

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty tại ngày 31/12/2014

## 6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

### 6.1 Thực trạng về tài sản cố định



## CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán và đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 31/12/2014) như sau:

*Dvt: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách (*)		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ đang dùng	20.825.774.477	10.216.846.676	22.256.379.354	14.128.652.348	1.430.604.877	3.911.805.672
I	TSCĐ hữu hình	20.825.774.477	10.216.846.676	22.256.379.354	14.128.652.348	1.430.604.877	3.911.805.672
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.576.875.715	460.755.029	3.017.127.300	1.447.137.145	1.440.251.585	986.382.116
2	Máy móc thiết bị	-	-	-	-	-	-
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	19.197.975.762	9.739.117.326	19.239.252.054	12.681.515.203	41.276.292	2.942.397.877
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	-	-	-	-	-	-
5	TSCĐ Khác	50.923.000	16.974.321	-	-	(50.923.000)	(16.974.321)
II	TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
III	TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-	-
IV	Chi phí XDCBDD	-	-	-	-	-	-
B	TSCĐ chờ thanh lý	2.785.759.048	452.602.860	2.785.759.048	452.602.860	-	-
C	TSCĐ hình thành từ quỹ KT, quỹ PL	-	-	-	-	-	-
D	TSCĐ bàn giao	2.678.407.486	1.764.832.174	2.678.407.486	1.764.832.174	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>26.289.941.011</b>	<b>12.434.281.710</b>	<b>27.720.545.888</b>	<b>16.346.087.382</b>	<b>1.430.604.877</b>	<b>3.911.805.672</b>

*Nguồn: Bản tổng hợp TSCĐ tại ngày 31/12/2014 của hồ sơ xác định giá trị Công ty*

### 6.2 Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng

Công ty đang quản lý và sử dụng các bất động sản và cơ sở nhà đất với hình thức thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm, chi tiết các địa điểm như sau:

#### a. Thửa đất thứ nhất: Văn phòng làm việc Công ty

- Thửa đất số: 100, tờ bản đồ số: 16
- Địa chỉ: Số 86, đường 3/2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Diện tích: 712,0 m<sup>2</sup>.
- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BX 997652, do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp

ngày 09/02/2015 (vào sổ cấp GCN: CT03495).

- Đề nghị phương án sử dụng đất khi chuyển sang công ty cổ phần:
  - Phương án sử dụng đất cụ thể: tiếp tục sử dụng làm trụ sở làm việc sau khi chuyển đổi thành công ty Cổ phần.
  - Hình thức: Thuê đất trả tiền hàng năm.

**b. Thửa đất thứ hai: Bãi đậu xe của Công ty**

- Thửa đất số: 662, tờ bản đồ số: 05
- Địa chỉ: Khóm 4 phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Diện tích: 2.367,8 m<sup>2</sup> (trong đó bãi đậu xe: 1.952,5 m<sup>2</sup>, đường dẫn vào bãi đậu xe: 416,1 m<sup>2</sup>).
- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BX 652171, do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 05/12/2014 (vào sổ cấp GCN: CT07384).
- Đề nghị phương án sử dụng đất khi chuyển sang công ty cổ phần:
  - Phương án sử dụng đất cụ thể: tiếp tục sử dụng làm trụ sở làm việc sau khi chuyển đổi thành công ty Cổ phần.
  - Hình thức: Thuê đất trả tiền hàng năm.

**c. Thửa đất thứ ba: Khu xử lý rác tại xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long phần Công ty đang quản lý; vận hành 10,2 ha, đất công trong đó:**

- Địa chỉ: Ấp Tân phú, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- Diện tích: 10,2 ha, trong đó:
  - 2,4 ha: bãi chôn lấp đã đầy, đang tiến hành phủ đỉnh.
  - 2,0 ha: ô chôn lấp rác hợp vệ sinh đang hoạt động.
  - 5,8 ha: gồm hồ sinh học xử lý nước thải của bãi rác và đường nội bộ.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cấp (đất công).
- Hồ sơ pháp lý:

Stt	Mục đích sử dụng	Năm sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Các văn bản
	<b>Tổng diện tích bãi chứa rác Hòa Phú</b>		<b>185.358,3</b>	
1	Bãi chứa rác HP	1997	23.457,2	- QĐ 482/QĐ-TTg, ngày 03/7/1997-Giao đất UBTX. - Tờ trình số 252/TTr-UBT ngày 08/5/1997-

				Thu hồi đất giao QSDĐ cho UBND.
2	Xây dựng trạm xử lý rác	2002	35.326	- QĐ 2451/QĐ-UBND ngày 10/7/2002-Thu hồi đất giao QSDĐ Cty CTCC. - Trích bản đồ hiện trạng vị trí mặt bằng.
3	Xây dựng vườn ươm	2003	4.123	- QĐ 1770/QĐ-UBND ngày 07/7/2003-Thu hồi đất.
4	Khu liên hợp xử lý rác thải	2007	120.436,1	- QĐ 2664/QĐ-UBND ngày 25/12/2007-Thu hồi đất
5	Khu liên hợp xử lý rác thải	2007	881,7	- QĐ 2665/QĐ-UBND ngày 25/12/2007-Thu hồi đất
6	Gia cố đê bao	2012	1.134,3	- QĐ 1226/QĐ-UBND ngày 08/8/2012- Giao đất cho Cty. - Trích lục bản đồ địa chính khu đất.

- Đề nghị phương án sử dụng đất khi chuyển sang công ty cổ phần:

- Phương án sử dụng đất cụ thể: tiếp tục sử dụng 10,2 ha làm khu xử lý rác sau khi chuyển đổi thành công ty Cổ phần.
- Hình thức: Thuê đất trả tiền hàng năm.

**7. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết của tổ chức phát hành:**

**7.1 Công ty mẹ của tổ chức phát hành:** Không có

**7.2 Danh sách Công ty con của tổ chức phát hành:** Không có

**7.3 Danh sách Công ty liên kết của tổ chức phát hành:** Không có

**8. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm trước khi cổ phần hóa, giai đoạn 2013 – 2015**

**8.1 Tình hình hoạt động kinh doanh**

**a. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ và doanh thu qua các năm**

Với ngành nghề kinh doanh đa dạng, doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ 03 mảng hoạt động chủ yếu là: (i) kinh doanh dịch vụ gom và xử lý rác; (ii) dịch vụ chiếu sáng công cộng và (iii) hoạt động quản lý, chăm sóc cây xanh. Cơ cấu doanh thu của Công ty trong từng lĩnh vực hoạt động qua các năm cụ thể như sau:

*Dvt: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng

Stt	Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu thuần	42.142	93,09%	45.581	90,75%	49.167	93,95%
1.1	<i>Thu gom và xử lý rác</i>	27.905	61,64%	28.268	56,28%	31.426	60,05%
1.2	<i>Dịch vụ chiếu sáng công cộng</i>	1.637	3,62%	1.981	3,94%	2.216	4,23%
1.3	<i>Quản lý và chăm sóc cây xanh</i>	11.180	24,70%	14.133	28,14%	14.423	27,56%
1.4	<i>Dịch vụ khác</i>	1.420	3,14%	1.200	2,39%	1.102	2,11%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	83	0,18%	57	0,11%	86	0,16%
3	Doanh thu khác	3.046	6,73%	4.592	9,14%	3.083	5,89%
<b>Tổng cộng</b>		<b>45.270</b>	<b>100,00%</b>	<b>50.230</b>	<b>100,00%</b>	<b>52.336</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014 và 2015 của Công ty.

#### d. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính liên quan đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty là xăng – dầu các loại, điện chiếu sáng, nước, phân bón, nguyên nhiên liệu xử lý rác thải; vật liệu xây dựng phục vụ cho việc duy tu và thi công đường, hè phố,... Sự biến động giá cả của các mặt hàng nguyên vật liệu này sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của Công ty.

#### e. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu thuần qua các năm như sau:

(Đvt: triệu đồng)

Stt	Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn hàng bán	28.807	74,12%	30.215	71,36%	31.376	72,93%
1.1	<i>Thu gom và xử lý rác</i>	20.353	52,37%	18.843	44,51%	19.477	45,27%
1.2	<i>Dịch vụ chiếu sáng công cộng</i>	1.028	2,64%	1.232	2,91%	1.439	3,34%

Stt	Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1.3	Quản lý và chăm sóc cây xanh	6.894	17,74%	9.623	22,73%	10.037	23,33%
1.4	Dịch vụ khác	532	1,37%	517	1,22%	423	0,98%
2	Chi phí tài chính	-	0,00%	-	0,00%		
3	Chi phí bán hàng	-	0,00%	-	0,00%		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.548	19,42%	9.220	21,78%	9.842	22,88%
5	Chi phí khác	2.512	6,46%	2.903	6,86%	1.804	4,19%
<b>Tổng cộng</b>		<b>38.867</b>	<b>100,00%</b>	<b>42.338</b>	<b>100,00%</b>	<b>43.022</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013, 2014 và 2015 của Công ty.

#### f. Trình độ công nghệ

So với các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực hiện nay, Công ty thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ ở mức trung bình ngành. Phương tiện vận tải của Công ty ngoài một số được sản xuất trước năm 2000, còn lại mới được đầu tư trong vòng 05 năm trở lại đây với nhiều phương tiện chuyên dùng như xe cẩu, xe cuốn ép chở rác, xe hút chất thải... Để đảm bảo đội xe vận hành tốt, Công ty có tổ sửa chữa chuyên phục vụ việc sửa chữa nhỏ và thay thế phụ tùng của các xe khi cần thiết. Máy móc thiết bị của tổ sửa chữa được trang bị tương đối đầy đủ.

#### g. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù loại hình kinh doanh của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực công ích, cung ứng dịch vụ, do đó Công ty chủ yếu tập trung thực hiện các dịch vụ hiện có như: thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; quản lý, chăm sóc hệ thống cây xanh; duy tu bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng công cộng nội thành và các hoạt động dịch vụ khác. Trong tương lai, khi chuyển đổi sang công ty cổ phần trong điều kiện thuận lợi, dự kiến phát triển thêm một số dịch vụ về môi trường.

#### h. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Trong hoạt động kiểm tra chất lượng, Công ty áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001:2008 để quản lý chất lượng sản phẩm chung toàn Công ty và các tiêu chuẩn quy định cho từng loại sản phẩm, dịch vụ riêng biệt. Bên cạnh đó, quá trình làm việc của từng Đội được quản lý, giám sát thông qua Nhật ký công tác và Báo cáo kết quả công việc. Ngoài công tác tự kiểm tra của Công ty, còn có sự phối hợp kiểm tra, giám sát của các đơn vị đặt hàng để tiến hành nghiệm thu xác nhận chất lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ.

**i. Hoạt động marketing:**

Hoạt động Marketing vẫn được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng. Công ty quảng bá hình ảnh thông qua các kênh công tác xã hội và đoàn thể trong tỉnh cũng như khu vực.

**j. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:**

*ĐVT: triệu đồng*

Stt	Số hợp đồng	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị	Thời gian
1	01/2014/HĐDVCI	UBND tỉnh Vĩnh Long	Thực hiện các dịch vụ công ích	37.823	2014
2	09/HĐ.2014	V.P. tỉnh Vĩnh Long	Chăm sóc cây kiểng các loại, thăm cỏ nhung trong k.viên vp T.ủy	205	2014
3	06/HĐ.2014	V.P. tỉnh Vĩnh Long	Chăm sóc cây kiểng các loại, thăm cỏ nhung trong k.viên vp T.ủy	80	2014
4	14/2014/HĐ-TCXD	Phòng QLĐT	Vận hành ngăn lũ và van 1 chiều Vĩnh Long	500	2014
5	11/2014/HĐ-TCXD	Phòng QLĐT	Cải tạo, xử lý cục bộ HTTN trên địa bàn TP Vĩnh Long	1.017	2014

*Nguồn: Phương án CPH của Công ty*

**8.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa:**

*(ĐVT: triệu đồng)*

Stt	Chỉ tiêu	2013	2014	2015
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	45.270	50.230	52.336
2	Trong đó, doanh thu thuần	45.149	50.097	52.165
3	Tổng chi phí	38.867	42.339	43.022
4	Chênh lệch thu chi trước thuế	6.404	7.891	9.314
5	Chênh lệch thu chi sau thuế	4.803	6.155	7.265
6	Tỷ suất chênh lệch thu chi sau thuế trên tổng tài sản	9,6%	9,5%	13,3%
7	Tỷ suất chênh lệch thu chi sau thuế trên vốn chủ sở hữu	18,40%	22,40%	21,21%
8	Tỷ suất chênh lệch thu chi sau thuế trên	10,50%	12,30%	13,93%

Stt	Chỉ tiêu	2013	2014	2015
	doanh thu			

*Nguồn: VIPUCO*

### 8.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty

Trong năm vừa qua, một số yếu tố sau đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của VIPUCO:

#### a. Những thuận lợi

- VIPUCO nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tỉnh ủy, HỖND, UBND tỉnh Vĩnh Long, các Sở, ban, ngành của tỉnh và chính quyền các cấp từ địa phương đến Trung ương, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được cấp trên giao hàng năm cho Công ty.
- Đảng ủy, Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc Công ty, các tổ chức đoàn thể quần chúng, cùng tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty luôn đoàn kết nhất trí trong công tác lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh.
- Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.
- VIPUCO đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động công ích như: thu gom và xử lý rác thải, quản lý và chăm sóc cây xanh. Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật có kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án vay vốn ODA từ khâu đàm phán, lựa chọn các nhà thầu tham gia thực hiện nhiệm vụ tư vấn, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình.

#### b. Những khó khăn.

- Giá bán các sản phẩm, dịch vụ của Công ty do UBND tỉnh Vĩnh Long quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu,... đầu vào của Công ty liên tục tăng, nên yếu tố ảnh hưởng làm tăng giá thành sẽ mất nhiều thời gian từ khi cần điều chỉnh giá do các giai đoạn lập, trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế hoạt động của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty.
- Một số máy móc, thiết bị của Công ty đang sử dụng đã được lắp đặt từ nhiều năm trước chưa mang lại hiệu quả cao. Công ty đang có kế hoạch để đầu tư thay thế dần các máy móc thiết bị này, tuy nhiên việc đầu tư này đòi hỏi nguồn vốn lớn, trong khi đó nguồn vốn của Công ty hiện có giới hạn.
- Địa bàn các khu dân cư của tỉnh nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung, Công ty đang gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư, do vậy để đáp ứng nhu cầu của dân cư cần có sự hỗ trợ vốn từ ngân sách Nhà nước cho các thành phố, thị xã và các huyện để



phát triển.

- Đa số CB.CNV Công ty có nhiều kinh nghiệm nhưng trình độ chưa đồng đều, cán bộ kỹ thuật được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau còn thiếu thực tiễn, trình độ quản lý còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

Công ty được các cấp chính quyền tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh cũng như các khu vực phụ cận nên Công ty luôn giữ vị thế dẫn đầu trong việc cung cấp các dịch vụ công ích trên địa bàn. Ngoài ra, Công ty còn nhận được nhiều sự quan tâm của các cơ quan ban ngành trong tỉnh, đây là điều thuận lợi khi tham gia các công trình công ích của tỉnh và nâng cao vị thế, uy tín của Công ty.

Bên cạnh đó, quá trình tập trung dân cư và đô thị hóa đang diễn ra trên địa bàn tỉnh đã thúc đẩy nhu cầu sử dụng các dịch vụ công ích ngày càng tăng. Việc các cấp ủy Đảng và chính quyền luôn quan tâm đến việc phát triển dịch vụ công ích nhằm phục vụ tốt hơn đời sống nhân dân đã làm cho lĩnh vực hoạt động của Công ty hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai.

## **10. Phương án kinh doanh và chiến lược phát triển của công ty sau khi cổ phần hoá**

### **10.1 Mục tiêu và định hướng phát triển công ty cổ phần:**

Thực hiện Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Công cộng Vĩnh Long. Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, doanh nghiệp xây dựng mục tiêu, định hướng của công ty cổ phần như sau:

#### **a. Mục tiêu**

Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty theo hướng kinh doanh đa ngành nghề, trong đó tập trung 03 lĩnh vực kinh doanh chính: thu gom rác, chiếu sáng công cộng và quản lý, chăm sóc cây xanh trong đó dịch vụ vệ sinh môi trường là ngành kinh doanh nền tảng để phát triển bền vững.

Xây dựng Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo hướng điều hành hiệu quả, liên kết có quy mô, sức cạnh tranh cao.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

#### **b. Định hướng:**

Hợp tác, liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, thị trường, năng lực quản trị,... tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.



**10.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hoá**

Trên cơ sở của bộ máy tổ chức, quy mô, lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong ba năm tiếp theo như sau:

*Đvt: đồng.*

Stt	Danh mục	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	33.862.220.000	33.862.220.000	33.862.220.000
2	Doanh thu	54.500.000.000	55.000.000.000	56.000.000.000
3	Tổng chi phí	46.700.000.000	47.000.000.000	47.800.000.000
4	Lợi nhuận thực hiện	7.800.000.000	8.000.000.000	8.200.000.000
5	Lợi nhuận thực hiện/vốn điều lệ	23,03%	23,63%	24,22%
6	Thuế TNDN (20%)	1.560.000.000	1.600.000.000	1.640.000.000
7	Lợi nhuận sau thuế	6.240.000.000	6.400.000.000	6.560.000.000
8	Lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	18,43%	18,90%	19,37%
9	Trích lập các quỹ	1.872.000.000	1.920.000.000	1.968.000.000
	-Quỹ đầu tư phát triển (15%)	936.000.000	960.000.000	984.000.000
	-Quỹ khen thưởng phúc lợi (15%)	936.000.000	960.000.000	984.000.000
10	Lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức	4.368.000.000	4.480.000.000	4.592.000.000
11	Cổ tức/vốn điều lệ	12,90%	13,23%	13,56%
12	Tổng quỹ lương	17.200.000.000	18.000.000.000	20.000.000.000
13	Thu nhập bình quân	6.500.000	6.700.000	6.900.000

*Nguồn: Phương án cổ phần hoá Công ty*

**11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ**

**11.1 Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ**

**a. Vốn điều lệ:**

- Vốn điều lệ: 33.862.220.000 đồng (Ba mươi ba tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng chẵn);
- Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần;
- Số lượng cổ phần: 3.386.222 cổ phần.

**b. Cơ cấu vốn điều lệ :**

Theo quyết định phê duyệt của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Công ty đề xuất xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức **64,00%** vốn điều lệ. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

Stt	Danh mục	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	64,00%	2.167.182	21.671.820.000
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	11,83%	400.500	4.005.000.000
	<i>Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước;</i>			
2.1	<i>Cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài.</i>	7,90%	267.300	2.673.000.000
2.2	<i>Cổ phần bán ra bên ngoài</i>	3,93%	133.200	1.332.000.000
3	Cổ phần bán ra bên ngoài	24,17%	818.540	8.185.400.000
3.1	<i>Cổ đông bán thông qua đấu giá</i>	24,17%	818.540	8.185.400.000
<b>Tổng cộng:</b>		<b>100,00%</b>	<b>3.386.222</b>	<b>33.862.220.000</b>

**11.2 Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần**

Trong 3 năm sau cổ phần hoá (2016 - 2018) Công ty có kế hoạch duy trì mức vốn điều lệ là 33,86 tỷ đồng, bằng mức vốn điều lệ khi Công ty cổ phần hoá.

**12. Rủi ro dự kiến**

**12.1 Rủi ro về luật pháp**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như: Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, các Luật về thuế...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, nếu các chính sách, hệ thống pháp luật của nhà nước được ban hành một cách đồng bộ, chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình thực tiễn sẽ tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng được thuận lợi hơn.

**12.2 Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty không được bảo lãnh nên

sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm đầu giá, tâm lý, nhu cầu đầu tư của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

### 12.3 Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... làm cho thị trường bị giảm sút và các thị trường tiềm năng mất ổn định. Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

Theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt, đối tượng chào bán và phương thức bán được tóm tắt như bảng sau:

Stt	Danh mục	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	64,00%	2.167.182	21.671.820.000
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	11,83%	400.500	4.005.000.000
2.1	<i>Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước;</i>	7,90%	267.300	2.673.000.000
2.2	<i>Cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài.</i>	3,93%	133.200	1.332.000.000
3	Cổ phần bán ra bên ngoài	24,17%	818.540	8.185.400.000
3.1	<i>Cổ đông bán thông qua đấu giá</i>	24,17%	818.540	8.185.400.000
<b>Tổng cộng:</b>		<b>100,00%</b>	<b>3.386.222</b>	<b>33.862.220.000</b>

#### 13.1 Đối với người lao động:

##### a. Số lượng và giá bán:

- Cổ phần CB.CNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc

tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”. Cụ thể:

- + Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 21/10/2015 (thời điểm UBND tỉnh Vĩnh Long công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long để cổ phần hóa) là: 227 người;
- + Tổng số CB.CNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 227 người;
- + Tổng số năm công tác toàn bộ số CB.CNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 2.673 năm.
- + Số lượng cổ phiếu bán cho CB.CNV theo hình thức này là **267.300 cổ phần**, chiếm **7,90%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- + Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CB.CNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- + **Giá bán:** bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

- Cổ phần CB.CNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

Công ty có 68 CB.CNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này. Tổng số lượng cổ phiếu bán cho CBCNV theo hình thức này **133.200 cổ phần**, chiếm **3,93%** vốn điều lệ Công ty cổ phần. Cụ thể như sau:

- + Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 21/10/2015 (thời điểm UBND tỉnh Vĩnh Long công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long để cổ phần hóa) là: 227 người;
- + Tổng số CB.CNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn theo quy định là: 68 người;
- + Tổng số năm công tác cam kết toàn bộ số CB.CNV được mua cổ phần theo quy định: 455 năm.
- + Số lượng cổ phiếu bán cho CB.CNV theo hình thức này là 133.200 cổ phần, chiếm 3,93% vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- + Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CB.CNV

sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.

- + Giá bán: bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

**b. Phương thức thanh toán:**

- Người lao động đăng ký mua tại Công ty và nộp tiền tại phòng Tài chính - Kế toán của Công ty hoặc nộp tiền trực tiếp vào tài khoản phong tỏa của Công ty.
- Thời điểm đăng ký mua dự kiến: Trong tháng 4 năm 2016.
- Thông tin tài khoản phong tỏa:

**Tên tài khoản: CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

**Số tài khoản: 73010001009144**

**Tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long**

- + Thời hạn thanh toán: trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký mua.

**13.2 Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá:**

**a. Số lượng và giá bán:**

- Số lượng bán cho nhà đầu tư tham gia đấu giá là 818.540 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 24,17% vốn điều lệ.
- Giá bán khởi điểm: 10.200 đồng/cổ phiếu (mười ngàn hai trăm đồng/cổ phiếu).
- Căn cứ xác định giá khởi điểm:
  - + Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty do Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá miền Nam lập.
  - + Tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam và thế giới cũng như các yếu tố ảnh hưởng khác tại thời điểm trước khi tổ chức bán đấu giá cổ phần công khai.
  - + Đối tượng: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ- CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ).

- b. Phương thức thanh toán:** Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu do đơn vị tổ chức đấu giá ban hành.

**14. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá**

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là “*Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp*”.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN – CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Tổng số tiền bán cổ phần dự kiến thu được: 11.343.624.000 đồng. Trong đó:

+ Nộp về cho Ngân sách nhà nước (do bán bớt phần vốn nhà nước): 10.868.667.460 đồng.

+ Số tiền Công ty dự kiến được để lại: 0 đồng.

Cụ thể như sau:

Stt	Nội dung chi tiết	Đvt	Diễn giải	Giá trị
<b>1</b>	<b>Vốn nhà nước hiện có</b>	<b>Đồng</b>	<b>QĐ phê duyệt GTDN</b>	33.862.226.210
<b>2</b>	<b>Cơ cấu vốn điều lệ</b>	“	<b>Dự kiến</b>	33.862.220.000
<i>a</i>	<i>Nhà nước 64,00%</i>	“	<i>Ban Chỉ đạo đề nghị</i>	21.671.820.000
<i>b</i>	<i>Cổ đông khác 36,00%</i>	“	<i>= Mục 2 - 2a</i>	12.190.400.000
<b>3</b>	<b>Phần giá trị lẽ nộp về Nhà nước:</b>	“	<i>= Mục 1 – 2</i>	6.210
<b>4</b>	<b>Bán phần vốn Nhà nước</b>	“	<b>= (mục 1- 2a)</b>	12.190.400.000
<b>5</b>	<b>Số vốn phát hành thêm</b>	“	<b>= (mục 2-1)</b>	-
<b>6</b>	<b>Số cổ phần phát hành thêm</b>	<b>CP</b>	<b>= Mục 5/10.000 đ/CP</b>	-
<b>7</b>	<b>Tổng số cổ phần phát hành (Bán bớt phần vốn nhà nước)</b>	<b>CP</b>	<b>= mục 2b:10.000 đ/CP</b>	1.219.040
<b>8</b>	<b>Cơ cấu cổ phần phát hành</b>	<b>CP</b>	<b>= mục 7</b>	1.219.040
	<i>Bán ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước</i>	“	<i>Danh sách kèm theo</i>	267.300
	<i>Bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp</i>	“	<i>Danh sách kèm theo</i>	133.200
<i>c</i>	<i>Nhà đầu tư chiến lược</i>			-
<i>d</i>	<i>Bán đấu giá công khai</i>	“	<i>= mục 8 - 8a - 8b-8c</i>	818.540
<b>9</b>	<b>Dự kiến giá bán</b>	<b>đ/CP</b>		
<i>a</i>	Giá khởi điểm bán đấu giá công khai	“	Đề xuất	10.200
<i>b</i>	Giá bán cổ phần ưu đãi cho NLĐ theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	“	= mục 9a x 60%	6.120
<i>c</i>	Giá bán cổ phần ưu đãi cho NLĐ theo cam kết làm việc lâu dài	“	= mục 9a	10.200

Stt	Nội dung chi tiết	Đvt	Diễn giải	Giá trị
d	Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	“	= mục 9a	10.200
<b>10</b>	<b>Số tiền thu từ phát hành cổ phần</b>	<b>Đồng</b>		11.343.624.000
a	Bán cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	“	= mục 8a x 9b	1.635.876.000
b	Bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài	“	= mục 8b x 9c	1.358.640.000
c	Nhà đầu tư chiến lược	“	= mục 8c x 9d	-
d	Bán đấu giá công khai	“	= mục 8d x 9a	8.349.108.000
<b>11</b>	<b>Tổng số tiền thu sau phát hành</b>	<b>Đồng</b>	<b>= mục 10</b>	11.343.624.000
a	Đề lại doanh nghiệp bằng mệnh giá cổ phần phát hành thêm	“	= mục 6 * 10.000 đ/CP	-
b	Giá trị cp Nhà nước bán bớt theo mệnh giá	“	= mục 4	12.190.400.000
c	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	“	Theo dự toán	400.000.000
d	Chi phí giải quyết chế độ người lao động	“	Theo phương án	47.311.000
e	Phần thặng dư vốn	“	= mục 11 - (11a + 11b + 11c + 11d)	(1.294.087.000)
e1	Đề lại cho DN	“		-
e2	Nộp về ngân sách	“		(1.294.087.000)
	<b>Tổng số tiền để lại cho doanh nghiệp</b>	“		-
	<b>Tổng Số tiền dự kiến hoàn về Ngân sách</b>	“	<b>= mục 11b + 11e2 + 3)</b>	<b>10.896.319.210</b>

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty

**15. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về doanh nghiệp Cổ phần hóa:**

**15.1 Ban chỉ đạo cổ phần hoá**

Tên	Chức vụ	Vị trí trong Ban chỉ đạo CPH
Ông Võ Quốc Thanh	Phó Giám đốc Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh	Trưởng ban



	Vĩnh Long	
Ông Đào Thanh Liêm	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long	Phó trưởng ban
Ông Nguyễn Bá Nhẫn	Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Long	Thành viên
Ông Lê Minh Chí	Chuyên viên Phòng Kinh tế tổng hợp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Thành viên
Ông Trương Hoàng Thiện	Trưởng phòng Tổ chức công chức, Sở Nội vụ	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Trung	Phó Trưởng phòng Việc làm, Tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thành viên
Ông Nguyễn Cẩm Hòa	Chuyên viên Phòng Kiểm tra thuế, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long	Thành viên
Bà Phan Anh Thư	Chuyên viên Phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính	Thành viên

**15.2 Tổ chức phát hành****CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Ông Đào Thanh Liêm Giám đốc

Ông Lưu Quang Trường Phó giám đốc

Ông Ngô Thành Thía Phó Giám đốc

Bà Lê Thị Thanh Nhân Kế toán Trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để nhà đầu tư có thể đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, giá trị doanh nghiệp và triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long.

**15.3 Tổ chức tư vấn****CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Ông Võ Hữu Tuấn Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khánh Trưởng phòng Tư vấn

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long cung cấp nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.



*Vĩnh Long, ngày 13 tháng 04 năm 2016*

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG  
VĨNH LONG**

**TRƯỞNG BAN**

**(đã ký)**

**VÕ QUỐC THANH**

**DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

**GIÁM ĐỐC**

**(đã ký)**

**ĐÀO THANH LIÊM**